

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT  
TP. HỒ CHÍ MINH  
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

Ngành đào tạo: Toàn trường  
Trình độ đào tạo: Đại học  
Chương trình đào tạo: Đại cương

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã môn học: INLO220405

- Tên học phần:** Nhập môn Logic học
- Tên tiếng Anh:** INTRODUCTION TO LOGIC
- Số tín chỉ:** 30 (2/0/4) (2 tín chỉ lý thuyết, 0 tín chỉ thực hành/thí nghiệm)  
Phân bố thời gian: 15 tuần (2 tiết lý thuyết + 0\*2 thực hành + 4 tiết tự học/tuần)
- Các giảng viên phụ trách học phần**
  - 1/ Giảng viên phụ trách chính: ThS. Đặng Thị Minh Tuấn
  - 2/ Danh sách giảng viên cùng GD:
    - 2.1/ PGS. TS. GVCC Đoàn Đức Hiếu
    - 2.2/ TS.GVC Nguyễn Văn Đức
- Điều kiện tham gia học tập**

Môn học tiên quyết: Không  
Môn học trước: Không
- Mô tả học phần (Course Description)**

Học phần này trang bị cho người học kiến thức về quá trình nhận thức của con người nhận thức và bản chất của hoạt động tư duy. Người học được cung cấp kiến thức về các quy luật cơ bản của tư duy và các hình thức của tư duy qua đó rèn luyện tư duy logic, có thể sử dụng chính xác từ, câu trong diễn đạt tư tưởng, có kỹ năng lập luận, diễn giải cũng như chứng minh, bác bỏ vấn đề có sức thuyết phục, suy nghĩ chín chắn, nhất quán, khắc phục những sai phạm trong tư duy, trong giao tiếp.

## 7. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) <i>(Học phần này trang bị cho sinh viên:)</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT	Trình độ năng lực
G1	Hiểu logic học là môn khoa học nghiên cứu về tư duy, lấy tư duy làm đối tượng nghiên cứu với tư cách là một chỉnh thể, hiểu cấu trúc tư duy của con người là một chuỗi hoạt động đi từ khái quát hoá, trừu tượng hoá sự vật thành khái niệm chung nhất đến xác lập về mặt lý luận có tính phán đoán các quan hệ suy lý phù hợp hay không phù hợp với hiện thực, từ đó liên kết các tri thức lại nhằm tìm ra cái mới trong suy luận.	1.1	2
G2	Xác lập được tư duy chính xác, rõ ràng, lập luận chặt chẽ, chứng minh và bác bỏ vấn đề có thuyết phục, suy nghĩ nhất quán, không mâu thuẫn. Phân biệt những tư tưởng giống nhau nhưng có cách diễn đạt bằng lời khác nhau và ngược lại. Diễn đạt tư tưởng phong phú, chính xác.	1.1, 2.1, 2.4, 3.2	3
G3	Khả năng làm việc nhóm, khả năng lập luận với một vấn đề, khả năng nhìn nhận các sự kiện, hiện tượng một cách khách quan, trung thực.	2.5, 3.1, 4.1	3

## 8. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>(Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)</i>		Chuẩn đầu ra CDIO	Trình độ năng lực
G1	G1.1	Có kiến thức về lịch sử hình thành môn học Logic học, đối tượng nghiên cứu, chức năng và vai trò của logic học	1.1	2
	G1.2	Có kiến thức về đặc điểm của hoạt động tư duy của con người: phải tuân theo quy luật, đảm bảo tính chặt chẽ, chính xác.	1.1	2
G2	G2.1	Khái quát hoá, trừu tượng hoá sự vật thành các khái niệm chung nhất, phân biệt các lớp đối tượng được phản ánh trong khái niệm, sử dụng các khái niệm chính xác và phù hợp.	2.1 2.4	3
	G2.2	Xác lập về mặt lý luận có tính phán đoán các quan hệ suy lý phù hợp hay không phù hợp với hiện thực, phân biệt các tư tưởng giống nhau được diễn đạt bằng lời khác nhau và ngược lại, diễn đạt tư tưởng phong phú, chính xác.	2.4 3.2	3
	G2.3	Liên kết các tri thức đã có và tìm ra tri thức mới, xác lập được tư duy chính xác, rõ ràng, lập luận chặt chẽ, chứng minh và bác bỏ vấn đề có thuyết phục, suy nghĩ nhất quán, không mâu thuẫn.	2.1 2.4	3
G3	G3.1	Có khả năng làm việc nhóm, khả năng nhìn nhận, giải quyết các vấn đề khách quan, trung thực, sáng tạo.	2.5 3.1 4.1	3

## 9. Đạo đức khoa học

Các bài tập thuyết trình, thảo luận nhóm đều phải do chính bản thân sinh viên tự làm, nếu phát hiện sao chép thì sinh viên sẽ bị xử lý bằng hình thức đánh giá **0** (không) điểm quá trình và cuối kỳ.

## 10. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	Phương pháp dạy học	Đánh giá
1	<b>Chương 1: Khái quát về logic học (2/0/4)</b>				
	<b>A/ Các nội dung GD chính trên lớp (2)</b> + Khái niệm Logic và logic học + Đối tượng của logic học + Đối tượng và đặc điểm của logic hình thức	G1.1	2	Thuyết trình	<u>1. PP đánh giá:</u> Vấn đáp <u>2. Công cụ đánh giá:</u> Câu hỏi
	<b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4)</b> + Lịch sử hình thành và phát triển của logic học và logic học hình thức + Tìm hiểu ý nghĩa của việc nghiên cứu, học tập logic học	G1.1	2	Nêu và giải quyết vấn đề	<u>1. PP đánh giá:</u> Quan sát <u>2. Công cụ đánh giá:</u> Bài tập về nhà; Tự luận
2	<b>Chương 2: Các quy luật cơ bản của logic hình thức (2/0/4)</b>				

	<b>A/ Các nội dung GD chính trên lớp: (2)</b> + Khái niệm quy luật logic + Nội dung, công thức, các yêu cầu của các quy luật (đồng nhất, cấm mâu thuẫn, triệt tam, có lý do đầy đủ)	G1.2	2	Thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề	<u>1. PP đánh giá:</u> Vấn đáp <u>2. Công cụ đánh giá:</u> Câu hỏi
	<b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:(4)</b> Làm bài tập: áp dụng nội dung, công thức, các yêu cầu của các quy luật trong tư duy	G1.2	2	Nêu và giải quyết vấn đề	<u>1. PP đánh giá:</u> Quan sát <u>2. Công cụ đánh giá:</u> Bài tập về nhà; Tự luận
<b>3,4,5</b>	<b>Chương 3: Khái niệm (6/0/12)</b>				
	<b>A/ Các nội dung GD chính trên lớp: (6)</b> + Định nghĩa, kết cấu logic của khái niệm + Quan hệ về ngoại diên giữa các khái niệm + Các phép logic đối với khái niệm	G2.1	3	Thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề	<u>1. PP đánh giá:</u> Vấn đáp <u>2. Công cụ đánh giá:</u> Câu hỏi
	<b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12)</b> - Phân biệt quan hệ về ngoại diên giữa các khái niệm - Định nghĩa các khái niệm	G2.1	3	Nêu và giải quyết vấn đề, đàm thoại,	<u>1. PP đánh giá:</u> Vấn đáp <u>2. Công cụ đánh giá:</u> Câu

				thảo luận nhóm	hỏi
<b>6,7,8</b>	<b>Chương 4: Phán đoán (6/0/12)</b>				
	<p><b>A/ Các nội dung GD chính trên lớp: (6)</b></p> <p>+ Đặc điểm chung của phán đoán: định nghĩa, giá trị chân lý của phán đoán</p> <p>+ Phán đoán đơn: cấu trúc, những hình thái cơ bản của phán đoán đơn, tính chu diên của khái niệm trong phán đoán, quan hệ về giá trị chân lý giữa các phán đoán</p> <p>+ Các phép logic và phán đoán phức: hội, tuyển, kéo theo, tương đương, phủ định</p>	G2.2	3	Thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề	<p><u>1. PP đánh giá:</u> Vấn đáp</p> <p><u>2. Công cụ đánh giá:</u> Câu hỏi</p>
	<p><b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12)</b></p> <p>- Xác định cấu trúc logic của các phán đoán đơn, phân biệt các hình thái cơ bản của phán đoán đơn, xem xét quan hệ về giá trị chân lý giữa các phán đoán đơn</p> <p>- Xác định cấu trúc logic của các phán đoán phức, dùng bảng chân trị để xem xét giá trị chân lý của các phán đoán phức</p> <p>- Viết công thức và tìm phán đoán tương đương</p>	G2.2	3	Nêu và giải quyết vấn đề, đàm thoại, thảo luận nhóm	<p><u>1. PP đánh giá:</u> Vấn đáp</p> <p><u>2. Công cụ đánh giá:</u> Câu hỏi tình huống</p>
<b>9,10,11,12,13</b>	<b>Chương 5: Suy luận (10/0/20)</b>				
	<p><b>A/ Các nội dung GD chính trên lớp: (10)</b></p> <p>+ Định nghĩa và kết cấu của suy luận, các loại suy luận</p> <p>+ Suy luận diễn dịch: suy luận từ tiền đề là phán đoán đơn (suy luận trực tiếp, suy luận gián tiếp = tam đoạn luận), suy luận từ tiền</p>	G2.3 G3.1	3	Thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề	<p><u>1. PP đánh giá:</u> Vấn đáp</p> <p><u>2. Công cụ đánh giá:</u></p>

	đề là phán đoán phức (suy luận trực tiếp, suy luận gián tiếp)			đề	<i>đánh giá:</i> Câu hỏi
	<b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (20)</b> - Chứng minh tính logic của tam đoạn luận - Chứng minh tính logic của suy luận phức	G2.3 G3.1	3	Nêu và giải quyết vấn đề, đàm thoại, thảo luận nhóm	<i>1. PP đánh giá:</i> Vấn đáp <i>2. Công cụ đánh giá:</i> Câu hỏi; Tự luận
<b>14,15</b>	<b>Chương 6: Ngụy biện, chứng minh và bác bỏ (4/0/8)</b>				
	<b>A/ Các nội dung GD chính trên lớp: (4)</b> + Ngụy biện: khái niệm, một số loại ngụy biện thường gặp + Chứng minh: định nghĩa, cấu trúc, các phương pháp chứng minh + Bác bỏ: định nghĩa, các phương pháp bác bỏ	G3.1	3	Thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề	<i>1. PP đánh giá:</i> Vấn đáp <i>2. Công cụ đánh giá:</i> Câu hỏi
	<b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (8)</b> - Tìm các tình huống ngụy biện - Chứng minh hoặc bác bỏ một vấn đề trong đời sống xã hội hoặc trong khoa học	G3.1	3	Nêu và giải quyết vấn đề, quan sát, thảo luận nhóm	<i>1. PP đánh giá:</i> Vấn đáp <i>2. Công cụ đánh giá:</i> Câu hỏi tình huống; báo cáo



### 11. Đánh giá kết quả học tập:

- Thang điểm: 10, trong đó:

+ Đánh giá quá trình: 50%, với hình thức làm việc nhóm (thảo luận và trình bày); làm việc cá nhân.

+ Thi cuối kỳ: 50% (tiểu luận)

- Kế hoạch kiểm tra như sau:

Hình thức KT	Nội dung	Thời điểm	Chuẩn đầu ra đánh giá	Trình độ năng lực	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỉ lệ (%)
<b>ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH</b>							<b>50</b>
BT#1	Kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của logic học và logic hình thức, ý nghĩa của việc học tập và nghiên cứu logic học	Tuần 2	G1.1	2	Tự luận	Bài tập về nhà	5
BT#2	Áp dụng nội dung, công thức, các yêu cầu của các quy luật trong tư duy	Tuần 3	G1.2	2	Tự luận	Bài tập về nhà	5
BT#3	- Phân biệt quan hệ về ngoại diên giữa các khái niệm - Định nghĩa các khái niệm	Tuần 4,5	G2.1	3	Câu hỏi ngắn	Bài tập trên lớp	5

BT#4	- Xác định cấu trúc logic của các phán đoán đơn, phân biệt các hình thái cơ bản của phán đoán đơn, xem xét quan hệ về giá trị chân lý giữa các phán đoán đơn	Tuần 6,7	G2.2	3	Câu hỏi ngắn	Bài tập trên lớp	10
	- Xác định cấu trúc logic của các phán đoán phức, dùng bảng chân trị để xem xét giá trị chân lý của các phán đoán phức - Viết công thức và tìm phán đoán tương đương	Tuần 8					
BT#5	- Chứng minh tính logic của tam đoạn luận - Chứng minh tính logic của suy luận phức	Tuần 13	G2.3	3	Tự luận + Câu hỏi ngắn	Bài tập trên lớp	5
TL#1	Làm việc theo nhóm để trình bày về các phương pháp chứng minh, bác bỏ	Tuần 12	G3.1	3	Báo cáo	Tình huống	5
TL#2	Thảo luận theo nhóm để chứng minh hoặc bác bỏ một vấn đề trong đời sống xã hội hoặc trong khoa học	Tuần 13,14	G3.1	3	Báo cáo	Tình huống	5
TT#1	Thuyết trình theo nhóm các nội dung trong toàn bộ chương trình của môn học	Tuần 5,11,12, 13,14	G1.1 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1	3	Báo cáo	Thuyết trình /Đánh giá kết quả	10
<b>ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ</b>							
<b>Tiểu luận</b>	- Nội dung theo ngân hàng đề tài tiểu luận của môn học (nhằm bao quát tất cả các chuẩn đầu ra quan trọng của môn học)		G1.1 G1.2 G2.1 G2.2	3		Tiểu luận	<b>50</b>

			G2.3 G3.1				
--	--	--	--------------	--	--	--	--

## 12. Tài liệu học tập

- Giáo trình chính:

1. Hoàng Chúng, *Logic học phổ thông*, Nxb. Giáo dục, 1997 .
2. Phạm Đình Nghiệm, *Nhập môn logic học*, Nxb. ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh, 2007.

- Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Đức Dân, *Logic học và Tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà nội, 1996.
2. Bùi Văn Mưa - Nguyễn Ngọc Thu, *Giáo trình nhập môn logic học*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2003.
3. Tô Duy Hợp - Nguyễn Anh Tuấn, *Logic học*, Nxb. Đồng Nai, 1998.
4. Lê Tử Thành, *Tìm hiểu logic học*, Nxb. Trẻ, 1995.
5. Lê Tử Thành, *Logic học và phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb. Trẻ, 1995
6. Các tài liệu trên các tạp chí chuyên ngành về logic học khác.

## 13. Ngày phê duyệt lần đầu

14.

## 15. Cấp phê duyệt

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

**16. Tiến trình cập nhật ĐCCT**

<p><b>Lần 1:</b> Nội Dung Cập nhật ĐCCT lần 1: ngày 19 tháng 12 năm 2017</p>	<p>&lt;người cập nhật ký và ghi rõ họ tên&gt;</p> <p>Tổ trưởng Bộ môn:</p>
--	--